

Bản án số: 02/2019/DSST

Ngày: 15-02-2019.

“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Ngọc Thu**.

2. Ông **Phạm Văn Tư**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bé Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST-KDTM, ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1083/2018/QĐXXST-KDTM ngày 24-12-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-KDTM ngày 18-01-2019 giữa các đương sự:

***. Nguyên đơn:** **Ngân hàng thương mại cổ phần Ph.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trụ sở: Số 45, đường L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Thi Thanh B** - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 81 - 83, đường Ph, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ông B ủy quyền cho ông **Trần Thanh D** - Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng (Giấy ủy quyền số 12/2018/UQ-OCB-CNVL ngày 10-4-2018).

Ngày 25-12-2018, ông **Thi Thanh B** ủy quyền (Văn bản số 54/2018/UQ-OCB-CNVL ngày 25-12-2018) cho ông **Dương Văn H** - Địa chỉ liên lạc: Số 81 - 83, đường Ph, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tham gia tố tụng quyết định toàn bộ nội dung tranh chấp (Có mặt).

**. Bị đơn:*

1. Ông Hồ Tuấn D1, sinh năm 1969 (Có mặt).

2. Bà Trần Thị Bạch V, sinh năm 1965.

Bà V ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 28-9-2018) cho ông **Hồ Tuấn D1**, sinh năm 1969.

Cùng cư trú: Số 34/2, đường 2, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị Hồng Th, sinh năm 1963.

2. Bà Hồ Thị Thu Th1, sinh năm 1965 (Có mặt).

3. Bà Hồ Thị Hồng Th2, sinh năm 1976.

4) Ông Trần Bửu L, sinh năm 1989.

5) Ông Hồ Đạt Th3, sinh năm 1995.

Bà Th, bà Th2, ông L và ông Th3 cùng ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 26-9-2018) cho bà **Hồ Thị Thu Th1**, sinh năm 1965.

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 34/2, đường 2, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Hồ Thụy Vân Th4, sinh năm 1992.

Bà Th4 ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 28-9-2018) cho ông **Hồ Tuấn D1**, sinh năm 1969.

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 34/2, đường 2, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-4-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10-5-2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Ph (Gọi tắt là Ngân hàng Ph) với ông Hồ Tuấn D1 và bà Trần Thị Bạch V ký kết hợp đồng tín dụng số 0068/2017/HĐTD-CN ngày 09-02-2017, theo đó Ngân hàng Ph cho ông D1, bà V vay số tiền là 450.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ ăn uống; áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 06 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng Ph công bố + biên độ tối thiểu 5,1%/năm; thời hạn cho vay là 12 tháng.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ, ông D1 và bà V thế chấp tài sản là bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 332, tờ bản đồ 13, diện tích 53,9m², số BT 583293, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01223 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 27-6-2014 cho Ngân hàng Ph thông qua hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0173-01/SĐBS-HĐBĐ ngày 09-02-2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm tiền vay số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015.

Ngân hàng Ph đã giải ngân cho ông D1 với bà V số tiền 450.000.000 đồng và các bên đã ký khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 0068/2017-OCB/KUNN-CN ngày 09-02-2017.

Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và nợ gốc được quy định trong hợp đồng tín dụng về trả nợ vay. Ngân hàng Ph đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn không thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng Ph khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hồ Tuấn D1 và bà Trần Thị Bạch V trả cho Ngân hàng Ph số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn từ ngày 17-01-2018 đến ngày 09-02-2018 bằng số tiền 3.480.000 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 10-02-2018 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0173-01/SĐBS-HĐBĐ ngày 09-02-2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm tiền vay số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10-8-2018 thể hiện trên thửa đất số 332, tờ bản đồ 13, tọa lạc tại số 34/2, đường 2, phường A, thành phố Vĩnh Long đang tồn tại 01 căn nhà cấp 4 gồm có: Ông Hồ Tuấn D1, bà Trần Thị Bạch V, bà Hồ Thị Hồng Th, bà Hồ Thị Thu Th1, bà Hồ Thị Hồng Th2, bà Hồ Thụy Vân Th4, ông Trần Bửu L và ông Hồ Đạt Th3 đang sinh sống.

Bị đơn: Ông Hồ Tuấn D1, bà Trần Thị Bạch V đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời hạn theo Thông báo bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị Thu Th1, bà Hồ Thị Hồng Th, bà Hồ Thị Hồng Th2, bà Hồ Thụy Vân Th4, ông Trần Bửu L và ông Hồ Đạt Th3 đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời hạn theo Thông báo không ai có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn và bị đơn. Bà Th1, bà Th2, bà Th, ông L có lời trình bày xác định tài sản ông D1 và bà V đã thế chấp cho Ngân hàng Ph là tài sản của cha mẹ chết để lại cho cá nhân ông D1 thừa kế đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 332, tờ bản đồ 13, tọa lạc tại số 34/2, đường 2/9, phường A, thành phố V; trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Các đương sự không ai khiếu nại, tranh chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0173-01/SĐBS-HĐBĐ ngày 09-02-2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm tiền vay số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 nêu trên.

Tại các phiên hòa giải, bị đơn thừa nhận có vay và ký kết hợp đồng thế chấp tài sản như nguyên đơn trình bày nêu trên. Bị đơn thừa nhận đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán nợ vay, hiện còn nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi như nguyên đơn trình bày. Qua khởi kiện của nguyên đơn, ông D1 và bà V xin trả dần vì hiện nay việc kinh doanh ăn uống đang gặp khó khăn.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn giao nộp chứng cứ bảng chiết tính vốn lãi đề ngày 15-02-2019; trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, lãi trong hạn 11,6%/năm từ ngày 17-01-2018 đến ngày 09-02-2018 bằng số tiền 3.480.000

đồng và lãi quá hạn 17,4%/năm từ ngày 10-02-2018 đến ngày xét xử 15-02-2019 là 370 ngày bằng số tiền 78.010.980 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn 17,4%/năm trên dư nợ cho đến khi trả hết nợ; yêu cầu xử lý tài sản thế chấp như nêu trên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và không đồng ý giảm lãi vì bị đơn hứa nhiều lần nhưng đến nay chưa trả được khoản nợ gốc nào. Tuy nhiên trong giai đoạn thi hành án sẽ cho bị đơn thỏa thuận nếu bị đơn có kế hoạch hữu hiệu và cụ thể.

- Bị đơn ông Hồ Tuấn D1 vừa là bị đơn, đồng thời là đại diện ủy quyền của bà V trình bày: Qua yêu cầu của nguyên đơn do người đại diện trình bày ông D1 thống nhất về số nợ và yêu cầu tính lãi, ông D1 không có ý kiến gì tranh chấp nhưng xin nguyên đơn tạo điều kiện cho ông với bà V trả dần hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và xin giảm lãi xuất vì hiện nay việc kinh doanh không hiệu quả. Ông D1 xác định ông với bà V kinh doanh mặt hàng ăn uống nhưng không có đăng ký giấy phép kinh doanh. Trường hợp ông D1 và bà V không thanh toán nợ phía ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì ông và bà V đồng ý giao tài sản thế chấp để xử lý theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hồ Thị Thu Th1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bà Hồ Thị Hồng Th, bà Hồ Thị Hồng Th2, ông Trần Bửu L và ông Hồ Đạt Th3 trình bày: Bà với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập trong vụ án, không tranh chấp gì về tài sản mà ông D1 và bà V thế chấp cho nguyên đơn như nêu trên. Ngoài ra, bà Th1 trình bày căn nhà và phần đất ông D1 với bà V thế chấp nêu trên là tài sản của cha mẹ để lại; bà Th1 với bà Th2 và bà Th đã có văn bản đồng ý để cho ông D1 toàn quyền sở hữu nên việc ông D1 thế chấp thì bà và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều biết không khiếu nại gì nhưng muốn giữ lại ngôi nhà này làm kỷ niệm nên bà xin nguyên đơn tạo điều kiện cho ông D1 và bà V trả dần hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và bà Th1 chịu trách nhiệm trả thay nếu ông D1 và bà V không thực hiện.

Ông Hồ Tuấn D1 đại diện ủy quyền cho bà Hồ Thụy Vân Th4 không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, thủ tục tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án:

Về tố tụng: Tòa án khi thụ lý vụ án xác định tranh chấp kinh doanh thương mại nhưng qua kiểm tra chứng cứ và lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa thì bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại loại việc tranh chấp là dân sự cho đúng thẩm quyền loại việc và theo lãnh thổ được quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình

giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc Thông báo thụ lý vụ án và cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đưa vụ án ra xét xử trong hạn luật định và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của nguyên đơn phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 320, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Hồ Tuấn D1 với bà Trần Thị Bạch V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Ph số tiền nợ vay vốn gốc 450.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.480.000 đồng và lãi quá hạn 78.010.980 đồng. Tổng cộng nợ vay vốn gốc và lãi suất là 531.490.980 đồng. Kể từ sau ngày truyền án bị đơn tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng. Trường hợp bị đơn không trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là tổ chức tín dụng ký hợp đồng vay tín dụng với bị đơn là cá nhân vay mục đích kinh doanh. Khi thụ lý đơn khởi kiện Tòa án đã thụ lý vụ án ghi trích yếu loại việc thụ lý kinh doanh thương mại (KDTM). Qua trình bày của ông D1 tại phiên tòa xác định ông với bà V kinh doanh ăn uống quán hủ tiếu nhưng không làm thủ tục đăng ký kinh doanh, nguyên đơn cũng không cung cấp được giấy phép kinh doanh của ông D1 và bà V. Do đó Hội đồng xét xử xác định lại đây là vụ án có quan hệ pháp luật dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” mà không cần chuyển sở thụ lý nhưng khi phát hành bản án sẽ thay đổi ký hiệu và trích yếu loại việc theo tranh chấp dân sự nên vẫn thuộc thẩm quyền loại việc của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Sau khi xem xét đánh giá chứng cứ do đương sự cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số 0068/2017/HĐTD-CN ngày 09-02-2017; khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 0068/2017-OCB/KUNN-CN ngày 09-02-2017; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0173-01/SĐBS-HĐBĐ ngày 09-02-2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm tiền vay số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015; bảng chiết tính vốn lãi đề ngày 15-02-2019; lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy các hợp đồng tín dụng số 0068/2017/HĐTD-CN ngày 09-02-2017; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0173-01/SĐBS-HĐBĐ ngày 09-02-2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm tiền vay số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên các hợp đồng nêu trên có hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay vốn gốc là 450.000.000 đồng, lãi trong hạn: 3.480.000đ và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 15-02-2019 là 78.010.980 đồng. Tổng cộng nợ vay vốn gốc và lãi suất là 531.490.980 đồng. Bị đơn thừa nhận nợ vốn gốc và lãi như nguyên đơn trình bày cùng chứng cứ nêu trên là đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn ông D1 với bà V phải có nghĩa vụ thanh toán 450.000.000 đồng tiền gốc và lãi từng thời điểm theo bảng kê chi tiết tính lãi suất của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Lãi trong hạn từ ngày 17-01-2018 đến ngày 09-02-2018: 450.000.000 đồng x 11,6% x 24 ngày : 12 tháng bằng số tiền 3.480.000 đồng.

Lãi quá hạn từ ngày 10-02-2018 đến ngày xét xử 15-02-2019: 450.000.000 đồng x 17,4% x 370 ngày : 12 tháng bằng số tiền 78.010.980 đồng.

Như vậy ông D1 với bà V phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi (Trong hạn và quá hạn) tổng cộng là 531.490.980 đồng.

Đối với tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 583293 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 27-6-2014 cho ông D1 tại thửa số 332, tờ bản đồ 13, diện tích 53,9m² tọa lạc tại số 34/2, đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long; trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Khi vay vốn ông D1 và bà V đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0173-01/SĐBS-HĐBĐ ngày 09-02-2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm tiền vay số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ trên phần đất tranh chấp có căn nhà cấp 4 gồm có: Ông Hồ Tuấn D1, bà Trần Thị Bạch V, bà Hồ Thị Hồng Th, bà Hồ Thị Thu Th1, bà Hồ Thị Hồng Th2, bà Hồ Thụy Vân Th4, ông Trần Bửu L và ông Hồ Đạt Th3 đang sinh sống

trong căn nhà này nên Tòa án đã đưa các ông (bà) Th, Th1, Th2, Th4, L và Hồ Đạt Th3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này đều không có yêu cầu độc lập. Bà Th cùng bà Th1 và bà Th2 xác định đây là tài sản của ông D1 được xác lập từ thừa kế của cha mẹ; không ai tranh chấp. Bà Th4 và ông L với ông Th3 không cung cấp chứng cứ gì chứng minh họ có quyền về tài sản đối với căn nhà này nên có căn cứ để xác định tài sản thế chấp nêu trên của cá nhân ông D1 chứng minh qua bản cung cấp thông tin tài liệu địa chính số 632/VPĐKĐĐ ngày 09-5-2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long cùng tài liệu kèm theo. Vì vậy, ông D1 và bà V ký kết đảm bảo thế chấp tài sản nêu trên với Ngân hàng Ph không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Hồ Thị Hồng Th, bà Hồ Thị Thu Th1, bà Hồ Thị Hồng Th2, bà Hồ Thụy Vân Th4, ông Trần Bửu L và ông Hồ Đạt Th3 nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0173-01/SĐBS-HĐBĐ ngày 09-02-2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm tiền vay số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 cần được duy trì để đảm bảo ưu tiên cho nguyên đơn thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và giảm lãi nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến bị đơn.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn ông D1 với bà V phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 450.000.000 đồng, lãi trong hạn: 3.480.000 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 15-02-2019 là 78.010.980 đồng. Tổng cộng nợ vay vốn gốc và lãi suất là 531.490.980 đồng. Kể từ ngày tuyên án về sau hàng tháng bị đơn phải chịu lãi suất 17,4%/năm trên dư nợ gốc thực tế cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

[3]. Chi phí tố tụng: Tòa án đã chi số tiền 500.000 đồng phục vụ cho việc xem xét thẩm định tại chỗ do nguyên đơn tạm ứng nên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[4]. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 25.259.640 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 299, 320, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự và các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Hồ Tuấn D1 với bà Trần Thị Bạch V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ph số tiền nợ vay vốn gốc 450.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.480.000 đồng và lãi quá hạn 78.010.980 đồng. Tổng cộng nợ vay vốn gốc và lãi suất là 531.490.980 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu, bốn trăm chín mươi ngàn, chín trăm tám mươi đồng) theo hợp đồng tín dụng số 0068/2017/HĐTD-CN ngày 09-02-2017.

Kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm 15-02-2019, ông Hồ Tuấn D1 và bà Trần Thị Bạch V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ vay vốn gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên là 17,4%/năm.

Trường hợp ông D1 và bà V không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng Ph thì giao cho Cơ quan thi hành án Dân sự phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 583293, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01223 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 27-6-2014 cho ông Hồ Tuấn D1 tại thửa số 332, tờ bản đồ 13, diện tích 53,9m² tọa lạc tại số 34/2, đường 2/9, phường A, thành phố V; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0173-01/SĐBS-HĐBĐ ngày 09-02-2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm tiền vay số 0173/2015/ĐB ngày 20-5-2015 để ưu tiên thanh toán nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc bị đơn ông Hồ Tuấn D1 và bà Trần Thị Bạch V trả lại cho nguyên đơn số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn ông Hồ Tuấn D1 và bà Trần Thị Bạch V nộp 25.259.640 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Ph số tiền 11.271.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm bảy mươi một ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003327, ngày 28-5-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Quốc Tuấn